



bǐ zuò

比作

verb · compare to

Example Sentences

Rén men cháng bǎ lǎo shī bǐ zuò là zhú

人们常把老师比作蜡烛。

People often compare teachers to candles.

Tā bǎ rén shēng bǐ zuò yī chǎng lǚ xíng

他把人生比作一场旅行。

He compares life to a journey.

Trace each character, then write the word on your own.

比比比比比比比

作作作作作作作作作作